

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sur Tử Tráng**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần tại Văn bản số 409/KVN-DAK ngày 05 tháng 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sur Tử Tráng (sau đây gọi là Dự án) của Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi là Chủ Dự án), thực hiện ngoài khơi Đông Nam Việt Nam với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1718/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đường ống thu gom vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP;
- Bộ Công Thương;
- UBND Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở NN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, BPMC, MT, PTT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐƯỜNG ống THU GOM, VẬN CHUYỂN KHÍ MỎ SƯ TỬ TRẮNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sư Tử Trắng.
- Địa điểm thực hiện: ngoài khơi Đông Nam Việt Nam.
- Chủ Dự án: Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

- Dự án đã được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua báo cáo nghiên cứu tiền khả thi tại Nghị quyết số 8535/NQ-DKVN ngày 30 tháng 12 năm 2016; đã được Hội đồng quản trị Tổng công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và chủ trương đầu tư xây dựng tại Quyết định số 77/QĐ-KVN ngày 24 tháng 01 năm 2017; đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1718/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 7 năm 2019.

1.2. Quy mô, công suất

1.2.1. Quy mô Dự án

1.2.1.1. Vị trí thực hiện Dự án

Dự án được thực hiện ngoài khơi Đông Nam Việt Nam. Tọa độ vị trí thực hiện Dự án cụ thể như sau:

TT	Công trình	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	Đường ống dẫn khí 16-inch, dài khoảng 73,5 km		
1.1	Điểm bắt đầu (KP 0+000)	1129184,341	565121,143
1.2	Điểm kết thúc (KP 73+507)	1078177,839	512763,337
2	Cụm kết cấu PLEM L-0901	1078138,199	512761,890

1.2.1.2. Quy mô của Dự án

- Một (01) đường ống 16-inch, dài khoảng 73,5 km, bắt đầu từ mặt bích phía sau cụm van ngầm (SSIV) gần giàn khai thác và xử lý khí ST-CGF của mỏ Sư Tử Trắng (do PVEP-CUU LONG quản lý) tới cụm kết cấu (PLEM) hiện hữu (L-0501) tại KP 227+686 của đường ống Nam Côn Sơn 2;

- Một (01) cụm kết cấu (PLEM) tại KP 73+507 để kết nối với cụm kết cấu PLEM hiện hữu tại KP 227+686 của đường ống Nam Côn Sơn 2;

- Các đoạn ống đầu nối bao gồm các đoạn ống kết nối giữa đường ống Sur Tử Trắng và cụm van ngầm SSIV của giàn ST-CGF; các đoạn ống kết nối giữa đường ống Sur Tử Trắng và cụm PLEM; các đoạn ống kết nối giữa cụm PLEM và đầu chờ hiện hữu tại KP 227+686 của đường ống Nam Côn Sơn 2.

1.2.2. Công suất của Dự án: đáp ứng 150 triệu bộ khối khí/ngày (tương đương 4,2 triệu m³ khí/ngày).

1.3. Công nghệ sản xuất: không có

1.4. Phạm vi Dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.4.1.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Các hạng mục công trình chính:

+ Một (01) đường ống 16-inch, dài khoảng 73,5 km từ mặt bích phía sau cụm van ngầm gần giàn ST-CGF của mỏ Sur Tử Trắng tới cụm PLEM hiện hữu (L-0501) tại KP 227+686 của đường ống Nam Côn Sơn 2;

+ Một (01) cụm PLEM tại KP 73+507;

+ Các đoạn ống đầu nối.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: không có.

- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường: không có.

1.4.1.2. Các hoạt động của Dự án

- Lắp đặt đường ống 16-inch dài khoảng 73,5 km, kèm theo cụm PLEM và các đoạn ống đầu nối.

- Vận hành hệ thống đường ống.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường:

- Hoạt động sản xuất ống, bọc xi măng ống thực hiện trên bờ bởi các nhà thầu cung cấp thiết bị.

- Hoạt động chế tạo gối đỡ và các thiết bị trên bờ khác phục vụ cho Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn lắp đặt

Tổng thời gian cho hoạt động lắp đặt trong khoảng 135 ngày. Các hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường gồm:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động làm việc trên các tàu và sà lan tham gia hoạt động lắp đặt.
- Nước thải nhiễm dầu từ các tàu và sà lan tham gia hoạt động lắp đặt.
- Nước thử thủy lực phát sinh từ hoạt động thử thủy lực đường ống.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các tàu và sà lan tham gia hoạt động lắp đặt.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động lắp đặt.

2.2. Giai đoạn vận hành

Các hạng mục công trình và hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường gồm:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người lao động làm việc trên tàu tham gia hoạt động bảo dưỡng đường ống.
- Nước thải nhiễm dầu từ tàu tham gia hoạt động bảo dưỡng đường ống.
- Khí thải phát sinh từ tàu tham gia hoạt động bảo dưỡng đường ống.
- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ tàu và sà lan tham gia hoạt động bảo dưỡng đường ống.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn lắp đặt

- Nước thải sinh hoạt của người lao động làm việc trên các tàu và sà lan tham gia hoạt động lắp đặt phát sinh khoảng 12 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: BOD₅, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform.

- Nước thải nhiễm dầu từ quá trình rửa sàn, vệ sinh các thiết bị máy móc trên các tàu và sà lan tham gia lắp đặt phát sinh khoảng 1,3 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng: dầu khoáng.

- Nước thử thủy lực đường ống phát sinh khoảng 9.632 m³. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: chất khử oxy, chất diệt khuẩn, chất chống ăn mòn và thuốc nhuộm.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt của người lao động làm việc trên các tàu và sà lan tham gia hoạt động bảo dưỡng (tần suất bảo dưỡng phụ thuộc tình hình thực tế, dự kiến 02 năm/lần) phát sinh khoảng 90 m³/lần bảo dưỡng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, TSS, tổng N, tổng P, Amoni, Coliform.

- Nước thải nhiễm dầu từ quá trình rửa sàn, vệ sinh các thiết bị máy móc trên tàu và sà lan tham gia hoạt động bảo dưỡng phát sinh khoảng 15 m³/lần bảo dưỡng. Thông số ô nhiễm đặc trưng: dầu khoáng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn lắp đặt

Khí thải phát sinh từ hoạt động của các tàu và sà lan tham gia hoạt động lắp đặt. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO_x, SO₂, HC.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Khí thải phát sinh từ hoạt động của tàu và sà lan tham gia hoạt động bảo dưỡng. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: CO, NO_x, SO₂, HC.

3.2. **Chất thải rắn, chất thải nguy hại**

3.2.1. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải không nguy hại (chất thải thực phẩm, phế liệu để thu hồi, tái chế, chất thải rắn khác)*

3.2.1.1. Giai đoạn lắp đặt

- Chất thải thực phẩm: phát sinh khoảng 46,3 kg/ngày.

- Phế liệu để thu hồi, tái chế: phát sinh khoảng 190,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: phế liệu kim loại, nhựa, giấy, chai, lọ.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: phát sinh khoảng 68,1 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: túi nilon, túi giấy đựng thức ăn, hộp xốp, can nhựa, chai lọ thủy tinh.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải thực phẩm: phát sinh khoảng 350 kg/lần bảo dưỡng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: phát sinh khoảng 510 kg/lần bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: túi nilon/túi giấy đựng thức ăn, hộp xốp, can nhựa, chai lọ thủy tinh.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn lắp đặt: phát sinh khoảng 190,4 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: giẻ lau dính dầu hoặc dính hóa chất, thùng sơn, thùng chứa hóa chất đã qua sử dụng, sơn, dung môi, dầu, mỡ, nhớt thải.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành: phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng khoảng 600 kg/lần bảo dưỡng. Thành phần chủ yếu gồm: bao bì chứa hóa chất thải, sơn, dung môi, dầu, mỡ, nhớt thải, giẻ lau dính dầu hoặc dính hóa chất.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn lắp đặt

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các động cơ trên tàu và sà lan tham gia hoạt động lắp đặt đường ống.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các động cơ trên tàu và sà lan tham gia hoạt động bảo dưỡng đường ống.

3.4. Các tác động khác

Một số sự cố môi trường trong giai đoạn lắp đặt và giai đoạn vận hành có thể xảy ra:

- Sự cố rò rỉ khí, cháy nổ dẫn đến sự cố môi trường.
- Sự cố va đụng tàu thuyền hoặc các sự cố khác dẫn đến tràn dầu và có khả năng dẫn đến sự cố môi trường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn lắp đặt

- Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý bằng hệ thống lưu giữ, xử lý nước thải sinh hoạt trên các tàu và sà lan tham gia lắp đặt đường ống.

- Nước thải nhiễm dầu: thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước nhiễm dầu được lắp đặt sẵn trên các tàu và sà lan tham gia lắp đặt đường ống.

- Nước thử thủy lực: thu gom và thải tại tầng mặt tại giàn ST-CGF hoặc tầng đáy tại cụm PLEM tại KP 73+507.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý bằng hệ thống lưu giữ, xử lý nước thải sinh hoạt trên các tàu và sà lan tham gia bảo dưỡng đường ống.

- Nước thải nhiễm dầu: thu gom, xử lý bằng hệ thống xử lý nước nhiễm dầu được lắp đặt sẵn trên các tàu và sà lan tham gia bảo dưỡng đường ống.

4.1.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Nước thải sinh hoạt, nước thải nhiễm dầu phát sinh từ quá trình lắp đặt và vận hành đường ống phải được thu gom, quản lý bảo đảm tuân thủ theo các yêu

cầu của Phụ lục IV Công ước MARPOL - Quy định ngăn ngừa ô nhiễm do nước thải từ tàu và QCVN 26:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu, khoản 5 và khoản 6 Điều 44 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Sử dụng các loại hóa chất theo thông lệ quốc tế trong thử thủy lực tuyến ống; tuyệt đối không sử dụng hóa chất trong danh mục cấm theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn lắp đặt

Chủ Dự án có trách nhiệm bảo đảm các tàu và sà lan tham gia lắp đặt có đầy đủ các chứng nhận phòng ngừa ô nhiễm khí thải theo yêu cầu của Phụ lục VI Công ước MARPOL và QCVN 26:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Chủ Dự án có trách nhiệm bảo đảm các tàu và sà lan tham gia bảo dưỡng có đầy đủ các chứng nhận phòng ngừa ô nhiễm khí thải theo yêu cầu của Phụ lục VI Công ước MARPOL và QCVN 26:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải không nguy hại

4.2.1.1. Giai đoạn lắp đặt

- Chất thải thực phẩm: sử dụng máy nghiền thực phẩm trang bị sẵn trên các tàu và sà lan tham gia lắp đặt để nghiền nhỏ đến kích thước dưới 25 mm trước khi thải xuống biển.

- Phế liệu để thu hồi, tái chế và chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: được thu gom, phân loại, lưu trữ vào các thùng chứa riêng biệt trên các tàu và sà lan tham gia lắp đặt và vận chuyển về bờ bằng phương tiện phù hợp theo quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiếp nhận và xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải thực phẩm: sử dụng máy nghiền thực phẩm trang bị sẵn trên các tàu và sà lan tham gia bảo dưỡng để nghiền nhỏ đến kích thước dưới 25 mm trước khi thải xuống biển.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: được thu gom, phân loại, lưu trữ vào các thùng chứa riêng biệt trên các tàu và sà lan tham gia bảo dưỡng và vận

chuyển về bờ bằng phương tiện phù hợp theo quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiếp nhận và xử lý theo quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, quản lý chất thải thực phẩm, phế liệu để thu hồi tái chế và chất thải rắn công nghiệp thông thường bảo đảm các yêu cầu của Phụ lục V Công ước MARPOL - Các quy định về ngăn ngừa ô nhiễm do rác thải từ tàu và QCVN 26:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu, khoản 1 Điều 44 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn lắp đặt: thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn và có nắp đậy, lưu chứa thùng chứa trên các tàu và sà lan tham gia lắp đặt và vận chuyển về bờ bằng phương tiện phù hợp theo quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiếp nhận, xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành: thu gom chất thải nguy hại vào các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn và có nắp đậy, lưu chứa thùng chứa trên các tàu và sà lan tham gia bảo dưỡng và vận chuyển về bờ bằng phương tiện phù hợp theo quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiếp nhận, xử lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, quản lý chất thải nguy hại bảo đảm các yêu cầu của Công ước MARPOL và QCVN 26:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra máy móc, bảo đảm động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động theo quy định.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Đối với sự cố rò rỉ khí, cháy nổ dẫn đến sự cố môi trường

- Giám sát sự chênh lệch bất thường về áp suất và lưu lượng đầu vào/đầu ra để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ và ngăn ngừa nguy cơ quá áp gây cháy nổ.

- Khi sự cố cháy nổ, rò rỉ khí xảy ra, kích hoạt tự động hoặc bằng tay hệ thống van đóng ngắt khẩn cấp để dừng và cô lập toàn bộ các hệ thống đường ống và thiết bị.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống cháy, nổ; lập kế

hoạch ứng cứu khẩn cấp trình Bộ Công Thương phê duyệt theo quy định; thực hiện theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được phê duyệt khi có sự cố xảy ra.

4.4.2. Đối với sự cố va chạm tàu thuyền hoặc sự cố khác dẫn đến tràn dầu và có khả năng dẫn đến sự cố môi trường

- Các tàu tham gia lắp đặt và bảo dưỡng được trang bị đèn hiệu hàng hải và phương tiện cứu hộ theo tiêu chuẩn hoạt động hàng hải.

- Thông báo đến cơ quan chức năng về kế hoạch di chuyển của các tàu, sà lan và thời gian lắp đặt và bảo dưỡng trước khi bắt đầu các hoạt động lắp đặt và bảo dưỡng để ngăn ngừa việc gây ảnh hưởng đối với các hoạt động tàu thuyền khác và hạn chế rủi ro va đụng.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này.

5.2. Giám sát môi trường

Không giám sát môi trường, kể cả giai đoạn lắp đặt và giai đoạn vận hành, do không có nguồn thải thuộc đối tượng phải giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tiếp tục chuẩn xác hóa số liệu về diện tích khu vực biển cần thiết cho hoạt động thi công, xây dựng và vận hành Dự án ở các bước triển khai tiếp theo theo quy định.

- Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp nhằm bảo đảm an toàn và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, các hoạt động hàng hải, khai thác dầu khí, khai thác, đánh bắt hải sản và các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khác trong quá trình lắp đặt và vận hành đường ống.

- Thỏa thuận với đơn vị quản lý tuyến cáp quang và đơn vị quản lý các đường ống khác có giao cắt với đường ống thuộc Dự án để bảo đảm việc giao cắt không tạo ra ảnh hưởng bất lợi đến việc quản lý và vận hành các tuyến cáp, tuyến ống này.

- Chỉ được sử dụng những hóa chất phù hợp để thử thủy lực đường ống. Kiểm soát chặt chẽ quá trình xả nước thử thủy lực đường ống; dừng ngay việc xả nước thải, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được phối hợp giải quyết nếu

phát hiện ra các tác động bất lợi đến môi trường biển trong quá trình xả nước thải.

- Thực hiện việc lập và trình báo cáo đánh giá rủi ro cho cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn lắp đặt và vận hành đường ống theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định.

- Lập kế hoạch thu dọn công trình dầu khí, bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Dầu khí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong quá trình triển khai Dự án.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính trung thực và tính chính xác của số liệu đo đạc, phân tích thành phần môi trường, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, thông tin về những người tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường và các thông tin, số liệu khác nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

